TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-TP. HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **455**/2025/DS-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tâm

2. Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 396/2025/TLST-DS ngày 26/02/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1106/2025/QĐXXST-DS ngày 05/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S
Trụ sở: 266-268 266-268 đường N, phường X, Thành phố H
Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn B, sinh năm 1975
Địa chỉ liên lạc: Lầu 13, 266-268 đường N, phường X, Thành phố H
(Văn bản ủy quyền số 2589/2024/UQ-TT.XLN ngày 18/12/2024)

Bị đơn: ông Nông Thanh T, sinh năm 1991
Hộ khẩu thường trú: 102 Thôn 11 - xã T - huyện B (nay là xã E), tỉnh Đ
Địa chỉ: Khối C, Tầng G, Chung cư S - Đường số A, phường T - thành phố Thủ Đức (nay là phường T), Thành phố H

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 26/12/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày*:

Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) và ông Nông Thanh T có ký Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 1*/1*/20** + Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, nội dung: Ngân hàng đồng ý cấp cho ông T thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân; Lãi suất 2.48%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 52.851.703 đồng và đã thanh toán tổng cộng gốc, lãi, phí là 41.373.728 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân). Do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thời hạn dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nên ngày 06/02/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (30.295.500 đồng) sang nợ quá hạn.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông T trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 10/6/2025 là 50.695.588 đồng (gồm: gốc 30.295.500 đồng và lãi quá hạn 20.400.088 đồng). Lãi tiếp tục tính từ ngày 11/6/2025 cho đến khi ông T thanh toán hết nợ.

** Bị đơn ông Nông Thanh T*: Dù đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản xác định tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán tính đến ngày 29/8/2025 là 53.703.348 đồng, trong đó: gốc 30.295.500 đồng; lãi quá hạn 23.407.848 đồng. Lãi tiếp tục tính từ ngày 30/8/2025 cho đến khi ông T thanh toán hết nợ. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng S yêu cầu ông T thanh toán số tiền của thẻ tín dụng còn nợ và ông T có địa chỉ ghi trên Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 1*/1*/20** tại phường T - thành phố Thủ Đức (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông B là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông B và ông T.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 1*/1*/20** + Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân được ký giữa ông T và Ngân hàng S; Bảng tóm tắt sao kê tài khoản và lời trình bày của đại diện nguyên đơn thì đủ cơ sở kết luận: Việc ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng giữa ông T và Ngân hàng S là có thật, tự nguyện, phù hợp với các quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên. Theo đó: Ngân hàng S đã cấp cho ông T thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 52.851.703 đồng và đã thanh toán tổng cộng gốc, lãi, phí là 41.373.728 đồng. Do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thời hạn dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nợ. Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ sang thành vốn gốc mới và tính lãi theo mức lãi suất quá hạn từ ngày 06/02/2024.

Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét, việc ông T không thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng S là vi phạm thỏa thuận trong Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 1*/1*/20** + Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân và các quy định của pháp luật.

Căn cứ các điều 21, 23, 24 và Điều 25 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân; Các điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S, buộc ông T thanh toán cho Ngân hàng S một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/8/2025 là 53.703.348 đồng, trong đó: gốc 30.295.500 đồng; lãi quá hạn 23.407.848 đồng. Lãi tiếp tục tính từ ngày 30/8/2025 cho đến khi ông T thanh toán hết nợ gốc.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.685.167 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Ông Nông Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền còn nợ của Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 1*/1*/20** tính đến ngày 29/8/2025 là 53.703.348 (Năm mươi ba triệu bảy trăm linh ba nghìn ba trăm bốn mươi tám) đồng, trong đó:

- Gốc: 30.295.500 đồng.
- Lãi quá hạn: 23.407.848 đồng.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 30/8/2025 cho đến khi ông Nông Thanh T thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 1*/1*/20** + Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì lãi suất mà ông Nông Thanh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 2.685.167 (Hai triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi bảy) đồng, ông Nông Thanh T chịu. Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 1.090.150 (Một triệu không trăm chín mươi nghìn một trăm năm mươi) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai

thu số 0080370 ngày 14/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV2-TP.HCM;
- Các đương sự;
- THADS TP.HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thúy Quỳnh